

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN TIẾN NHẬT

**QUẢN TRỊ VỐN LUÂN CHUYÊN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN HÒA NHÂN**

Phản biện 1: TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN

Phản biện 2: PGS. TS. NGUYỄN NGỌC VŨ

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 02 năm 2012

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn là một phạm trù kinh tế, là điều kiện tiên quyết cho bất cứ Công ty, ngành nghề kinh tế kỹ thuật, dịch vụ nào trong nền kinh tế. Để tiến hành được hoạt động kinh doanh, Công ty phải nắm giữ một lượng vốn nhất định. Số vốn này thể hiện giá trị toàn bộ tài sản và các nguồn lực của Công ty trong hoạt động kinh doanh. Trong đó vốn luân chuyển có vai trò quyết định trong việc thành lập, hoạt động và phát triển của Công ty.

Trong sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, huy động được vốn chỉ là bước đầu, quan trọng và quyết định hơn là nghệ thuật phân bổ, sử dụng số vốn với hiệu quả cao nhất vì điều đó ảnh hưởng đến vị thế của Công ty trên thương trường. Bởi vậy cần phải có chiến lược bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn luân chuyển.

Đặc biệt là từ cuối năm 2007 đầu năm 2008 đến nay khi ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của các Công ty. Do đó vấn đề về bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn luân chuyển là một trong số những vấn đề cần được quan tâm sâu sắc. Chính vì vậy, tôi lựa chọn đề tài: "**Quản trị vốn luân chuyển tại Công ty cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn Sông Đà 10**" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu của luận văn

- Nghiên cứu và hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về quản trị vốn luân chuyển của Công ty.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản trị vốn luân chuyển tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10 trong giai đoạn 2008-2010.

- Trên cơ sở hệ thống lý luận và phân tích thực trạng, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị vốn luân chuyển tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn Sông Đà 10.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là lý luận và thực tiễn quản trị vốn luân chuyển của Công ty cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn Sông Đà.

Phạm vi nghiên cứu luận văn: Luận văn đứng trên góc độ người sử dụng vốn luân chuyển để nghiên cứu nội dung quản trị vốn luân chuyển của Công ty cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn Sông Đà. Thời gian nghiên cứu từ năm 2008 đến năm 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu như: phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh...trên nền tảng của phương pháp luận duy vật biện chứng.

5. Các kết quả đã nghiên cứu

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị vốn luân chuyển tại Công ty.

- Phân tích đúng thực trạng, góp phần đánh giá đúng các kết quả, các tồn tại và nguyên nhân của thực trạng quản trị vốn luân chuyển ở Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn Sông Đà .

- Kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị vốn luân chuyển tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn Sông Đà.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung cơ bản của luận văn được chia làm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị vốn luân chuyển trong Công ty

Chương 2: Thực trạng quản trị vốn luân chuyển tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị vốn luân chuyển tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ VỐN LUÂN CHUYỂN TRONG CÔNG TY

1.1 Vốn luân chuyển và các nhân tố ảnh hưởng đến kết cấu vốn luân chuyển trong Công ty

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của vốn luân chuyển trong Công ty

1.1.1.1 Khái niệm về vốn luân chuyển

Để tiến hành sản xuất kinh doanh ngoài các tài sản cố định, các Công ty còn cần có các tài sản luân chuyển. Khác với tài sản cố định, tài sản luân chuyển chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó được chuyển toàn bộ, một lần vào giá trị sản phẩm.

Các tài sản luân chuyển khi xem xét chúng dưới hình thái giá trị thì được gọi là vốn luân chuyển của Công ty.

1.1.1.2 Đặc điểm của vốn luân chuyển trong Công ty

- Vốn luân chuyển tốc độ luân chuyển nhanh. Vốn luân chuyển hoàn thành một vòng tuần hoàn sau khi kết thúc một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

- Vốn luân chuyển trong doanh nghiệp luôn thay đổi hình thái biểu hiện trong quá trình tuần hoàn luân chuyển.

- Vốn luân chuyển vận động theo một vòng tuần hoàn, từ hình thái này sang hình thái khác rồi trở về hình thái ban đầu với một giá trị lớn hơn giá trị ban đầu.

1.1.2 Phân loại vốn luân chuyển

a) Phân loại theo vai trò từng loại vốn luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh

Theo cách phân loại này, vốn luân chuyển của Công ty có thể được phân thành 3 loại:

- Vốn luân chuyển trong khâu dự trữ sản xuất:
- Vốn luân chuyển trong khâu sản xuất:
- Vốn luân chuyển trong khâu lưu thông:

b) Phân loại theo hình thái biểu hiện

Theo cách phân loại này, vốn luân chuyển có thể chia thành 2 loại:

- Vốn vật tư, hàng hoá:
- Vốn bằng tiền:

1.1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến kết cấu vốn luân chuyển trong Công ty

Các nhân tố ảnh hưởng đến kết cấu vốn luân chuyển của Công ty có nhiều loại, có thể chia thành 3 nhóm chính:

- Các nhân tố về mặt cung ứng vật tư

- Các nhân tố về mặt sản xuất
- Các nhân tố về mặt thanh toán

1.1.4 Vai trò của vốn luân chuyển đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Vốn luân chuyển là một chỉ số liên quan đến lượng tiền một Công ty cần huy động để duy trì hoạt động thường xuyên, hay nói một cách cụ thể hơn đó là lượng tiền cần thiết để cho hoạt động chuyển hóa nguyên liệu thô thành thành phẩm bán ra thị trường. Những thành tố quan trọng của vốn luân chuyển đó là tiền, lượng hàng tồn kho, khoản phải thu.

1.2 Quản trị vốn luân chuyển trong Công ty

1.2.1 Mục tiêu quản trị vốn luân chuyển

- Mục tiêu của quản trị vốn luân chuyển là phải tính toán và kiểm soát chặt chẽ lượng tiền mặt, khoản phải thu, vốn tồn kho.

- Tính toán để tìm ra một lượng dự trữ tiền mặt và tồn kho tối ưu tránh hiện tượng tồn trữ nhiều gây lãng phí cũng như trường hợp tồn trữ ít thì sẽ không chủ động trong các quyết định sản xuất kinh doanh.

1.2.2 Nội dung quản trị vốn luân chuyển

1.2.2.1 Quản trị vốn tiền mặt

Nội dung quản trị vốn tiền mặt trong Công ty thông thường bao gồm:

a) Xác định mức dự trữ vốn tiền mặt hợp lý

Mức dự trữ vốn tiền mặt hợp lý cần được xác định sao cho Công ty có thể:

- Tránh được các rủi ro do không có khả năng thanh toán ngay phải gia hạn thanh toán nên bị phạt hoặc phải trả lãi cao hơn.

- Không làm mất khả năng mua chịu từ nhà cung cấp (Trong trường hợp nhà cung cấp không tiếp tục cho mua chịu).

- Tận dụng được các cơ hội kinh doanh có lợi nhuận cao hơn cho Công ty.

* Những phương pháp thường dùng để xác định mức dự trữ ngân quỹ là:

+ Phương pháp đơn giản.

+ Phương pháp tổng chi phí tối thiểu (Mô hình Baumol)

+ Mô hình quản lý tiền mặt Miller Orr

b) Dự đoán và quản lý các luồng nhập, xuất vốn tiền mặt (ngân quỹ)

Dự đoán ngân quỹ là tập hợp các dự kiến về nguồn và sử dụng ngân quỹ. Ngân quỹ hàng năm được lập vừa tổng quát, vừa chi tiết cho từng quý, tháng và tuần.

c) Quản lý, sử dụng các khoản thu chi vốn tiền mặt

Các biện pháp quản lý cụ thể:

- Mọi khoản thu chi vốn tiền mặt của Công ty đều phải thực hiện thông qua quỹ, không được thu chi ngoài quỹ, tự thu, tự chi.

- Phải có sự phân định trách nhiệm rõ ràng trong quản lý vốn tiền mặt, nhất là giữa thủ quỹ và kế toán quỹ; phải có các biện pháp quản lý bảo đảm an toàn kho quỹ.

- Công ty phải xây dựng các quy chế thu chi bằng tiền mặt để áp dụng cho từng trường hợp thu chi.

- Quản lý chặt chẽ các khoản tạm ứng tiền mặt, cần xác định rõ đối tượng tạm ứng, mức tạm ứng và thời hạn thanh toán tạm ứng để thu hồi kịp thời.

1.2.2.2 Quản trị các khoản phải thu

Các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô các khoản phải thu thường là:

- Khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán chịu cho khách hàng
- Sự thay đổi theo thời vụ của doanh thu
- Giới hạn của lượng vốn phải thu hồi
- Chính sách tín dụng của mỗi Công ty
- Dự đoán được số nợ phải thu ở khách hàng.

1.2.2.3 Quản trị vốn tồn kho

a) Tồn kho và các nhân tố ảnh hưởng đến tồn kho

b) Các phương pháp quản trị vốn tồn kho dự trữ

- Phương pháp quản lý dự trữ theo mô hình đặt hàng hiệu quả nhất – EOQ (Economic Ordering Quantity)
- Phương pháp tồn kho bằng không

1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị vốn luân chuyển

Trong quản trị vốn luân chuyển, yêu cầu nhà quản trị phải quan tâm đến các vấn đề dưới đây:

1.2.3.1 Sự ổn định của doanh thu và lợi nhuận

Sự ổn định của doanh thu và lợi nhuận có ảnh hưởng trực tiếp tới quy mô của vốn huy động. Khi doanh thu ổn định

sẽ có nguồn để lập quỹ trả nợ đến hạn, khi kết quả kinh doanh có lãi sẽ là nguồn để trả lãi vay.

1.2.3.2 Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành

Những Công ty nào có chu kỳ sản xuất dài, quay vòng của vốn chậm thì cơ cấu của vốn sẽ nghiêng về chủ sở hữu (hầm mỏ, khai thác, chế biến,...) Ngược lại những ngành nào có chu kỳ sản xuất ngắn, vòng quay của vốn nhanh...(thương mại, dịch vụ, ...) thì vốn được Huy động từ các khoản nợ sẽ chiếm tỷ trọng lớn.

1.2.3.3 Trình độ của nhà quản trị và quy mô của Công ty

- Trình độ quản lý của lãnh đạo Công ty mà cụ thể là trình độ của nhà quản trị tài chính sẽ quyết định trực tiếp đến chất lượng công tác quản trị vốn luân chuyển của Công ty.

- Quy mô, uy tín và vị thế của Công ty sẽ quyết định quy mô, hiệu quả của vốn luân chuyển trong Công ty.

1.2.3.4 Mức độ chấp nhận rủi ro của người lãnh đạo

Trong kinh doanh phải chấp nhận mạo hiểm có nghĩa là phải chấp nhận sự rủi ro, nhưng điều đó lại đồng nghĩa với cơ hội để gia tăng lợi nhuận (mạo hiểm càng cao thì rủi ro càng nhiều nhưng lợi nhuận lại càng lớn). Do đó có thể có một số nhà quản trị sẵn sàng sử dụng nhiều nợ hơn để gia tăng lợi nhuận.

Tuy nhiên các nhà quản trị cần phải cân nhắc kỹ trước khi ra quyết định tăng tỷ trọng vốn vay nợ bởi lẽ tăng mức độ mạo hiểm và chỉ cần một sự thay đổi nhỏ về doanh thu và lợi nhuận theo chiều hướng giảm sút sẽ làm cho cán cân thanh toán mất thăng bằng, nguy cơ phá sản sẽ tăng.

1.2.3.5 Các nhân tố có tính chất vĩ mô

- + Sự phát triển kinh tế và sự phát triển của thị trường vốn:
- + Sức cạnh tranh trên thương trường:
- + Chính sách kinh tế của nhà nước:

1.2.4 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất sử dụng vốn luân chuyển

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn luân chuyển trong các Công ty có thể sử dụng các chỉ tiêu sau đây:

1.2.4.1 Tốc độ luân chuyển vốn luân chuyển

Tốc độ luân chuyển vốn luân chuyển phản ánh tình hiệu suất sử dụng vốn luân chuyển. Tốc độ luân chuyển vốn càng nhanh thì hiệu suất sử dụng vốn luân chuyển càng cao.

1.2.4.2 Mức tiết kiệm vốn luân chuyển do tăng tốc độ luân chuyển vốn.

Thể hiện việc số vốn luân chuyển tiết kiệm được khi chúng ta đẩy nhanh tốc độ luân chuyển của vốn luân chuyển.

1.2.4.3 Hàm lượng vốn luân chuyển (hay còn gọi là mức đảm nhận vốn luân chuyển)

Là số vốn luân chuyển cần có để đạt được một đồng doanh thu. Đây là chỉ tiêu nghịch đảo của chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn luân chuyển.

1.2.4.4 Tỷ suất lợi nhuận vốn luân chuyển.

Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn luân chuyển có thể tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế (hoặc lợi nhuận sau thuế thu nhập).

Tỷ suất lợi nhuận vốn luân chuyển càng cao thì chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn luân chuyển càng cao.

Chương 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VỐN LUÂN CHUYỂN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 - TẬP ĐOÀN
SÔNG ĐÀ****2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Tập đoàn
Sông Đà****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty CP Sông Đà 10 được thành lập theo quyết định số 54/BXD – TCCB ngày 11 tháng 2 năm 1981 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, đơn vị có nhiều tên gọi khác nhau như Công ty xây dựng công trình ngầm, Công ty xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10, năm 2002 đổi tên thành Công ty xây dựng Sông Đà 10 và đến năm 2006 thì chuyển đổi thành Công ty CP Sông Đà 10.

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh

- Xây dựng các công trình ngầm.
- Thuỷ lợi thuỷ điện, giao thông, công trình dân dụng.
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản trị

Hoạt động tổ chức của bộ máy Công ty phù hợp với những quy định chung về cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nhà nước và theo luật doanh nghiệp.

**2.1.4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt
động huy động và sử dụng vốn luân chuyển của Công ty**

2.1.4.1 Đặc điểm về cơ chế, chính sách

Như chúng ta đã biết Công ty CP Sông Đà 10 là một thành viên quan trọng của Tập đoàn Sông Đà một trong những tập đoàn kinh tế Nhà nước trọng điểm ngoài việc hoạt động kinh doanh theo luật doanh nghiệp, của Công ty, Tập đoàn còn phải thực hiện các chính sách ổn định kinh tế xã hội do nhà nước đề ra.

2.1.4.2 Đặc điểm về nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm

Nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm là yếu tố đầu vào chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn khoảng 60%-70% tổng giá trị công trình. Vật liệu chủ yếu để sản xuất là sắt thép, cát đá, xi măng.

2.1.4.3. Đặc điểm về sản phẩm và thị trường đầu ra.

Do hoạt động đặc thù trong lĩnh vực thủy điện, thủy lợi, giao thông nên sản phẩm của Công ty mang tính đơn chiếc, có quy mô lớn và sản xuất theo đơn đặt hàng của chủ đầu tư.

2.1.5 Khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ 2008 - 2010

2.2 Thực trạng quản trị vốn luân chuyển của Công ty

2.2.1 Phân tích vai trò vốn luân chuyển trong tổng nguồn vốn tại Công ty cổ phần Sông Đà 10

Vốn là yếu tố quyết định đến việc mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty. Để có thể tiến hành tái sản xuất mở rộng thì sau một chu kỳ kinh doanh vốn của Công ty phải sinh lời tức là hoạt động kinh doanh phải có lãi, đảm bảo vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển. Để thấy được tình hình nguồn vốn của Công ty CP Sông Đà 10, có thể dựa vào số liệu sau:

Nhìn vào bảng số liệu 2.2 ta nhận thấy kết cấu của tổng vốn trong Công ty có sự khác biệt rõ ràng, đó là vốn luân chuyển luôn chiếm một tỷ trọng lớn và ổn định trong tổng vốn của Công ty.

Cụ thể năm 2008 vốn luân chuyển chiếm tỷ trọng là 69.71%, năm 2009 chiếm 70.45% và năm 2010 chiếm 70.63%.

Như vậy vốn luân chuyển là yếu tố quan trọng ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2.2 Phân tích thực trạng quản trị vốn luân chuyển tại Công ty

2.2.2.1 Phân tích kết cấu chung của vốn luân chuyển:

Nhìn vào bảng số liệu 2.3 ta nhận thấy về quy mô của vốn luân chuyển có sự tăng trưởng rất nhanh cụ thể như sau:

Năm 2008 tổng vốn luân chuyển là 534.317 tỷ đồng nhưng đến năm 2009 là 795.489 tỷ đồng, tăng so với năm 2008 là 261.172 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 48.88%, năm 2010 vốn luân chuyển là 1.082.751 tỷ đồng, tăng so với năm 2009 là 287.262 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 36.11%.

Việc gia tăng vốn luân chuyển phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo sự tăng trưởng của Công ty là điều rất đáng khích lệ.

Điều này đã được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu của Công ty qua các năm đều có mức tăng trưởng tốt, năm 2009 tăng so với năm 2008 là 218.388 tỷ tương đương với mức tăng là 34.77% đến năm 2010 thì sự tăng trưởng đó so với năm 2009 123.885 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 14.61%. Tuy nhiên sự gia tăng về quy mô vốn luân chuyển của Công ty không có sự đồng đều giữa các bộ phận.

2.2.2.2 Phân tích chi tiết thực trạng quản trị từng bộ phận của vốn luân chuyển tại Công ty

a, Quản trị vốn bằng tiền

Đối với bất cứ Công ty nào, tiền mặt là khoản quan trọng không thể thiếu, nó làm động lực cho sự phát triển năng động hiệu quả của Công ty. Do sự phức tạp và đa dạng của quản lý tiền mặt, Công ty CP Sông Đà 10 phải luôn đề ý và kiểm tra chặt chẽ từng ngày, từng giờ.

Nhìn vào bảng số liệu 2.4 ta nhận thấy tổng lượng vốn bằng tiền của Công ty trong ba năm qua là không đều nhau. Trong các năm có sự tăng giảm rõ rệt. Như năm 2008 tổng vốn bằng tiền của Công ty là 78.456 tỷ, năm 2009 là 71.357 tỷ và năm 2010 là 114.806 tỷ.

Như vậy năm 2009 lượng tiền Công ty giảm so với năm 2008 là 7.099 tỷ, tương ứng với mức giảm là 9.05% nguyên nhân là do năm 2008 Công ty đã làm tốt công tác thu hồi công nợ làm cho giá trị các khoản phải thu giảm và tăng lượng vốn bằng tiền của Công ty. Tuy nhiên sang năm 2009 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế trong nước gặp một số khó khăn nhất định các công trình đơn vị thi công chủ đầu tư không đáp ứng đủ vốn. Do đó kéo theo tình hình tài chính của Công ty cũng gặp phải những khó khăn nhất định

b, Quản trị các khoản phải thu

Khoản phải thu là một bộ phận rất quan trọng và cơ bản trong kết cấu vốn luân chuyển, do vậy phân tích thực trạng quản trị khoản phải thu của Công ty sẽ giúp chúng ta có cái nhìn rõ ràng và cụ thể hơn về tình hình quản trị khoản phải thu của Công ty.

Nhìn vào bảng số liệu 2.6 ta nhận thấy các khoản phải thu luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng vốn luân chuyển của Công ty.

Trong đó khoản phải thu khách hàng chiếm phần lớn trong tổng các khoản phải thu.

Năm 2008 phải thu khách hàng là 163.866 tỷ chiếm 30.67% trong tổng vốn luân chuyển và chiếm 94.10% trong tổng các khoản phải thu.

Năm 2009 là 281.967 tỷ chiếm 35.45% trong tổng vốn luân chuyển và chiếm 83.03% trong tổng các khoản phải thu trong năm.

Năm 2010 là 415.280 tỷ đồng chiếm tỷ trọng là 38.35% trong tổng vốn luân chuyển và 91% trong tổng các khoản phải thu của Công ty.

Lượng vốn phải thu khách hàng tăng nhanh qua các năm. Năm 2009 tăng so với năm 2008 là 118.101 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 72.08%, năm 2010 tăng so với 2009 là 133.313 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 47.28%

c, Quản trị vốn tồn kho

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho là điều kiện đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được diễn ra thường xuyên và liên tục. Đảm bảo cho Công ty chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, tránh tình trạng bị động do sự biến động của nguồn cung cũng như sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Nhìn vào bảng 2.8 ta thấy:

Thứ nhất, về chỉ tiêu nguyên vật liệu.

Năm 2008 giá trị nguyên vật liệu là 46.777 chiếm tỷ trọng 8.75% trong tổng vốn luân chuyển và chiếm 16.83% trong tổng vốn tồn kho.

Năm 2009 giá trị nguyên vật liệu chiếm 57.092 tỷ đồng chiếm tỷ trọng là 7.18% trong tổng số vốn luân chuyển và chiếm 15.16% trong tổng vốn tồn kho.

Năm 2010 giá trị nguyên vật liệu chiếm 5.82% trong tổng vốn luân chuyển và chiếm 12.36% trong tổng vốn tồn kho của đơn vị.

Thứ hai, về chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Năm 2008 giá trị sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là 229.953 tỷ đồng chiếm tỷ trọng là 43.04% trong tổng vốn luân chuyển của Công ty và chiếm tỷ trọng 82.75% trong tổng vốn tồn kho của đơn vị.

Năm 2009 giá trị dở dang là 317.743 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 39.94% trong tổng vốn luân chuyển của Công ty và chiếm 84.37% trong tổng vốn tồn kho của đơn vị.

Năm 2010 giá trị dở dang là 445.534 tỷ đồng chiếm 41.15% tỷ trọng trong tổng vốn luân chuyển của đơn vị và chiếm 87.47% trong tổng vốn tồn kho của Công ty.

Như vậy giá trị sản xuất kinh doanh dở dang của đơn vị có tầm quan trọng cốt lõi là yếu tố quyết định đến hiệu quả của vốn luân chuyển nói riêng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

2.2.2.3 Hiệu suất sử dụng vốn luân chuyển tại Công ty CP Sông Đà 10

Để đánh giá hiệu suất sử dụng vốn luân chuyển của đơn vị, Công ty CP Sông Đà 10 đã sử dụng những chỉ tiêu như:

Hệ số đảm nhiệm vốn luân chuyển, sức sinh lợi của vốn luân chuyển, số vòng quay vốn luân chuyển, thời gian một vòng quay vốn

luân chuyển, vòng quay hàng tồn kho, thời gian một vòng quay hàng tồn kho.

Từ những chỉ tiêu đó, Công ty có thể phân tích tình hình hiệu quả sử dụng vốn luân chuyển của Công ty để đưa ra giải pháp tối ưu nâng cao hiệu quả quản trị vốn luân chuyển.

2.2.2.4 Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị vốn luân chuyển mà Công ty đã áp dụng

Một là, giải pháp về hạ thấp chi phí kinh doanh.

Hai là, đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản phải thu

Ba là, giải pháp về tổ chức quản lý, lao động và đào tạo.

2.3 Đánh giá chung về thực trạng quản trị vốn luân chuyển tại Công ty

2.3.1 Thành tựu Công ty đã đạt được trong quản trị vốn luân chuyển

* Về công tác huy động và đáp ứng nhu cầu vốn luân chuyển trong kinh doanh.

* Đối với quản trị vốn bằng tiền

* Đối với công tác quản trị khoản phải thu

* Về mức doanh lợi vốn luân chuyển

Một kết quả trong công tác quản trị vốn luân chuyển là Công ty luôn duy trì hệ số sinh lợi vốn luân chuyển ở mức ổn định ở mức cao thường đạt trên 10%.

2.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế

2.3.2.1 Hạn chế

- Vốn luân chuyển bị tổn động quá nhiều trong các bộ phận của vốn luân chuyển.

- Công tác quản trị chi phí chưa mang tính chuyên sâu, hoạch định chưa chính xác chi phí phát sinh trong tương lai để đưa ra những quyết định kịp thời.

- Giải pháp huy động vốn còn nhiều hạn chế, chưa đa dạng các kênh huy động vốn.

2.3.2.2 Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế

- Chưa có bộ phận chuyên trách phục vụ cho công tác quản trị và đầu tư vốn.

- Nhân lực có trình độ chuyên môn hạn chế, kinh nghiệm chưa có.

- Chưa áp dụng các biện pháp khoa học trong công tác dự báo và xác định nhu cầu vốn luân chuyển của Công ty.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VỐN LUÂN CHUYỂN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 - TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ

3.1. Phương hướng và mục tiêu của Công ty trong thời gian tới

3.1.1 Đánh giá triển vọng của ngành xây dựng trong thời gian tới

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2009 đạt 442.89 nghìn tỷ đồng chiếm 62.46% tổng mức đầu tư toàn xã hội.

Năm 2010 tổng giá trị sản xuất xây dựng đã tăng 17.1% lên mức 545.2 nghìn tỷ đồng chiếm tới 65.66% tổng mức đầu tư toàn xã hội.

Như vậy qua những số liệu trên ta thấy rằng giá trị đầu tư của toàn xã hội cho đầu tư phát triển xây dựng là rất lớn và luôn luôn có sự tăng trưởng qua các năm.

3.1.2 Định hướng hoạt động của Công ty thời gian tới (Giai đoạn 2011 - 2015)

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành Công ty xây lắp chuyên ngành mạnh, có tính chất chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực xây lắp truyền thống.

Chuyển dịch cơ cấu ngành nghề theo hướng; giảm dần tỷ trọng giá trị sản phẩm xây lắp, tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp nhưng tỷ trọng giá trị sản phẩm xây lắp vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Đầu tư và hợp tác đầu tư phát triển sang các lĩnh vực có tiềm năng; sản xuất kinh doanh điện thương phẩm, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp, đầu tư khai thác hạ tầng khu công nghiệp, đô thị.

3.1.3 Phương hướng quản trị vốn luân chuyển

Thứ nhất, Công ty phải luôn tìm hiểu thị trường để nắm bắt được thông tin từ phía khách hàng, tìm kiếm các nguồn nguyên liệu có chất lượng cao mà giá thành lại thấp. Nghiên cứu tìm ra những phương pháp thi công hiện đại và hiệu quả tiết kiệm được chi phí, rút ngắn thời gian thi công.

Thứ hai, Công ty sẽ đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường để có thể nắm bắt và xử lý các thông tin kinh tế, dự đoán chính xác nhu cầu và diễn biến của thị trường từ đó tìm kiếm những thị trường tiềm năng mới mà doanh nghiệp chưa khai thác hoặc khai thác chưa triệt để.

Thứ ba, Công ty phấn đấu đẩy nhanh vòng quay của vốn lưu động tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động.

Thứ tư, Công ty cần phải phân đầu tăng thu nhập cho người lao động nhằm khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động an tâm làm việc tại Công ty.

3.2 Giải pháp hoàn thiện quản trị vốn luân chuyển tại Công ty

3.2.1 Giải pháp về quản trị tiền mặt

3.2.1.1 Hoạch định ngân sách tiền mặt

Công ty phải có chiến lược hoạch định ngân sách tiền mặt hợp lý để dự báo một cách chính xác nhu cầu chi tiêu tiền mặt của Công ty. Ngoài ra Công ty cần nghiên cứu để áp dụng mô hình tồn quỹ tối ưu mà hiện nay đang được sử dụng phổ biến như mô hình Baumol hay mô hình Millerr – Orr. Để từ đó Công ty có thể xác định được lượng tiền mặt tồn quỹ hợp lý đảm bảo cung cấp đầy đủ cho những yêu cầu sản xuất kinh doanh cũng như tránh tình trạng tồn trữ quá nhiều tiền mặt làm giảm hiệu quả sử dụng vốn luân chuyển nói riêng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung. .

3.2.1.2 các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Trong quá trình hoạt động Công ty luôn luôn có một lượng ngân quỹ dự trữ nhất định có thể tham gia đầu tư vào thị trường tài chính, tuy nhiên Công ty cũng cần nghiên cứu kỹ tình hình thị trường cũng như có những bộ phận chuyên trách tìm hiểu và phân tích thị trường để có những quyết định hợp lý.

3.2.2 Giải pháp về quản trị khoản phải thu

- * *Tổ chức quản lý chặt chẽ đối tượng phải thu*
- * *Xác định số nợ phải thu trong kỳ*
- * *Tổ chức các biện pháp thu hồi khoản phải thu hiệu quả*

Tóm lại: Quản trị khoản phải thu có đặc tính rất phức tạp, vì nó liên quan đến nhiều khách hàng với những điều kiện khác nhau. Do đó trong công tác quản trị khoản phải thu đòi hỏi Công ty phải hết sức mềm dẻo, linh động. Ngoài tính nguyên tắc, nó còn phụ thuộc vào điều kiện của Công ty trong mỗi thời điểm khác nhau. Để thực hiện chính sách tín dụng như thế nào đối với mỗi khách hàng đòi hỏi phải có sự nhạy bén của Ban giám đốc và các nhà quản trị. Đôi khi có thể hy sinh lợi ích trước mắt để kỳ vọng một tương lai tốt hơn cũng là một giải pháp mà Ban giám đốc Công ty phải cân nhắc và thận trọng.

3.2.3 Giải pháp về quản trị vốn tồn kho

Thứ nhất: Công ty phải có chiến lược hoạch định ngân sách vốn tồn kho hiệu quả và khoa học.

Thứ hai: Qua quá trình đánh giá hoạt động thực tiễn những năm qua trong công tác quản trị vốn tồn kho ta thấy hoạt động sử dụng vật liệu của Công ty chưa được tiết kiệm.

Thứ ba: Thường xuyên cập nhật thông tin và đánh giá về tình hình sử dụng cũng như tình trạng tồn trữ vật liệu của Công ty để có những chính sách điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo công tác sử dụng vốn tồn trữ được hiệu quả.

3.2.4 Giải pháp về huy động vốn

3.2.4.1 Xác định nhu cầu vốn luân chuyển

Việc quản lý và sử dụng vốn luân chuyển một cách hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào công tác xác định nhu cầu vốn luân chuyển. Do đó tầm quan trọng của công tác này cần được Công ty đánh giá

đúng mức để có thể xây dựng được một hệ thống phương pháp khoa học cho công tác xác định nhu cầu vốn luân chuyển

3.2.4.2 Hạn mức tín dụng

Một hạn mức tín dụng là một nguồn vốn ngắn hạn, nó thể hiện số vốn nhất định mà ngân hàng sẵn lòng cho Công ty vay bất cứ khi nào cần trong một thời hạn nhất định (thường là một năm).

3.2.4.3 Hợp đồng mua lại

Hợp đồng mua lại được áp dụng khi Ban giám đốc Công ty có thể thương lượng với ngân hàng để bán cho ngân hàng một số lượng chứng khoán ngắn hạn nhất định đang nằm trong danh mục đầu tư của mình với một mức giá cụ thể nào đó.

3.2.4.4 Khoản vay gắn liền với tài sản

Khoản vay gắn liền với tài sản ngắn hạn cũng làm một sự bảo đảm, là một nguồn huy động vốn ngắn hạn từ ngân hàng hoặc từ các Công ty tài chính được gắn liền và bảo đảm bởi các tài sản ngắn hạn gồm khoản phải thu và hàng tồn kho.

3.2.5 Một số giải pháp khác

3.2.5.1 Nâng cao tốc độ luân chuyển của vốn luân chuyển thông qua tiếp cận các công nghệ mới trong sản xuất

3.2.5.2 Nâng cao năng lực quản lý tài chính thông qua công tác bồi dưỡng cán bộ

Chất lượng của các quyết định quản lý doanh nghiệp nói chung và quản lý tài chính nói riêng có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Trong khi đó, năng lực của các cán bộ quản lý, cán bộ tài chính, những người trực tiếp đưa ra những quyết định tài chính, sẽ đảm bảo cho chất lượng của các quyết định này.

Trên đây là những giải pháp được đúc rút từ thực tế nghiên cứu trong quá trình làm việc tại Công ty cổ phần Sông Đà 10. Đây là những giải pháp gắn liền với các nhân tố bên trong Công ty, do Công ty quyết định. Tuy nhiên, Công ty luôn hoạt động trong một môi trường kinh tế xã hội cụ thể và hiệu quả hoạt động nói riêng, hiệu quả sử dụng vốn luân chuyển của Công ty nói chung chịu sự tác động mạnh của môi trường này. Để đảm bảo cho những giải pháp có tính thực thi, đảm bảo khả năng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn luân chuyển của Công ty cổ phần Sông Đà 10 tôi xin có những kiến nghị sau đây với các cơ quan có liên quan.

3.3. Một số kiến nghị mang tính chất hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị vốn luân chuyển tại Công ty:

3.3.1 Đối với Tập đoàn Sông Đà

Trong tương lai, hoạt động của Công ty sẽ mở rộng ra không chỉ ở phạm vi trong nước mà là khu vực và thế giới do vậy rất cần Tập đoàn đứng ra bảo đảm tạo điều kiện cho Công ty có đủ uy tín và khả năng tiếp cận với những đối tác lớn trong cũng như ngoài nước

Với đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực cao, tập đoàn cần đóng vai trò là người hướng dẫn giúp đỡ cho Công ty trong công tác quản lý tài chính nói riêng và trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

Tập đoàn cần xây dựng chế độ khen thưởng xứng đáng cho những đơn vị, cá nhân có những sáng kiến đóng góp cho sự phát triển của các đơn vị.

3.3.2 Đối với các tổ chức tín dụng

Là một khách hàng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả,

ngân hàng cần có những chính sách ưu đãi về lãi suất, về thời hạn và những điều kiện thủ tục khi cấp tín dụng tạo cho Công ty niềm tin về sự đảm bảo của các tổ chức tín dụng từ đó phát triển quan hệ gắn bó và lâu dài hơn.

Về phương diện thanh toán, các tổ chức tín dụng cần hiện đại hoá công nghệ thanh toán hơn nữa, cung cấp đa dạng hoá những hình thức thanh toán không dùng tiền mặt nhằm gia tăng tốc độ thanh toán, nâng cao tốc độ luân chuyển của vốn luân chuyển trong Công ty, tạo niềm tin cho các đối tác trong và ngoài nước.

3.3.3 Một số kiến nghị đối với nhà nước

Hoạt động của bất kỳ Công ty nào cũng chịu tác động của nhân tố của quan và khách quan. Ngoài sự nỗ lực của chính Công ty thì để thành công không thể thiếu những nhân tố khách quan. Môi trường hoạt động thuận lợi sẽ tạo điều kiện rất lớn cho sự thành công của Công ty. Chính vì vậy để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong thời gian tới, bên cạnh sự nỗ lực của công ty thì cần có sự giúp đỡ của các cơ quan hữu quan. Từ điều kiện thực tế của đơn vị tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau :

Nhà nước cần nhanh chóng ban hành đồng bộ các chính sách thúc đẩy sự tăng trưởng chung của nền kinh tế trong thời gian tới.

Nhà nước cần phải sử dụng các công cụ điều tiết vĩ mô một cách có hiệu quả và thống nhất. Nhà nước cần phải ban hành một số cơ chế kiểm soát, chính sách hỗ trợ về Vốn, Thuế, cũng như có những ưu đãi khi lựa chọn nhà thầu thi công những công trình lớn đòi hỏi công nghệ và trình độ cao thì nhà nước nên ưu tiên cho nhà thầu trong nước khi những yêu cầu về kỹ thuật và năng lực là đảm bảo.

KẾT LUẬN

Quản trị vốn luân chuyển là vấn đề luôn được các nhà quản trị đặc biệt quan tâm, nó có tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của các Công ty trước mắt và lâu dài.

Đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 10 thì vấn đề quản trị vốn luân chuyển được đặt lên hàng đầu cần được giải quyết hiện nay. Để góp phần giải quyết vấn đề này, luận văn đã tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện, tổng hợp, có hệ thống thực trạng quản trị vốn luân chuyển tại Công ty, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị vốn luân chuyển tại Công ty.

Luận văn đã hoàn thành các nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống một số vấn đề lý luận cơ bản về quản trị vốn luân chuyển trong các Công ty.

- Phân tích thực trạng quản trị vốn luân chuyển tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10 trong giai đoạn vừa qua, từ đó có những kết luận, đánh giá, nhận xét những thành quả đạt được và tồn tại cần phải giải quyết.

- Đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quản trị vốn luân chuyển tại Công ty.

Với những nội dung cơ bản trên, thực hiện đề tài này tác giả mong muốn góp một phần nhỏ bé vào công cuộc phát triển của Công ty khi sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt; tác giả cũng mong Ban lãnh đạo Công ty có thể tham khảo để đưa ra những quyết định nhằm hoàn thiện công tác quản trị vốn luân chuyển tại Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.